

Bản án số: 67/2020/HS-PT

Ngày: 15 - 9 - 2020

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Việt Minh

*Các Thẩm phán:* Ông Bích Văn Nhiên

Ông Nguyễn Hồng Thái

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Xuân Vi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:**  
Ông Nguyễn Trung Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2020/TLPT-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo Lê Duy T và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo Lê Duy T, Hồ Duy Q và Trần Thị Thu Th đối với bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Thuận.

Các bị cáo có kháng cáo:

**1. Lê Duy T**, sinh năm: 1982, tại Bình Thuận;

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã M, huyện N, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hoá: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Văn L (chết) và bà Phan Thị H, sinh năm 1947; Gia đình có 08 anh, em ruột: nhỏ nhất là bị cáo; Có vợ: Lê Thị Thùy Tr, sinh năm 1984; Có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2015;

Tiền án; tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 28/8/2002, bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 38/2002/HSST đã chấp hành xong hình phạt và án phí ngày 25/12/2002, đã được xóa án tích; Ngày 21/01/2019, bị Công an huyện N ra Quyết định xử phạt hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” đã chấp hành nộp phạt, theo biên lai số 0000028 ngày 22/01/2019.

**2. Hồ Duy Q**, sinh năm: 1990, tại Bình Thuận;

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn H1, xã T2, huyện N, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp:

làm nông; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hồ Văn T3, sinh năm 1967 và bà Trương Thị Y, sinh năm 1971; Gia đình có 02 anh, em ruột: lớn nhất là bị cáo; Có vợ: Bùi Thị Bích H3, sinh năm 1993; Có 02 người con: lớn nhất sinh năm 2016, nhỏ nhất sinh năm 2019;

Tiền án; Tiền sự: không.

**3. Trần Thị Thu Th**, sinh năm 1982, tại Bình Thuận;

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P1, xã C, huyện N, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn T4, sinh năm 1945 và bà Lê Thị S, sinh năm 1945; Gia đình có 06 anh, em ruột, bị cáo là con thứ tư; Chồng Nguyễn Vũ Hoàng S1, sinh năm 1981; Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2014;

Tiền án; Tiền sự: không.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị cáo không kháng cáo*: Nguyễn Văn P2, sinh năm 1983, tại Bình Thuận;

HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn P4, xã M, huyện N, tỉnh Bình Thuận;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968. Địa chỉ: thôn P4, xã M, huyện N, tỉnh Bình Thuận.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 03/3/2020, Nguyễn Văn P2, Lê Duy T, Hồ Duy Q và bà Trần Thị Thu Th đến quán cà phê của ông Nguyễn Văn V uống cà phê. Sau đó, cả bốn người cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi bài phỏm được thắng thua bằng tiền và quy định cách chơi như sau: mỗi người chơi sẽ được chia 9 lá bài, riêng người đi (đánh) trước sẽ được chia 10 lá; những lá bài còn thừa lại sẽ được đặt ở giữa 4 người chơi (gọi là nọc). Người đi đầu tiên sẽ đánh đi một lá bài bất kỳ có trên tay mình, người kế tiếp nếu có trên tay từ 2 hoặc nhiều hơn lá bài cùng tập hợp thì có thể ăn, nếu không ăn sẽ bốc 1 lá bài từ nọc; sau đó người này lại tiếp tục đánh đi một lá bài có trên tay của mình để người kế tiếp ăn hoặc bỏ qua; lượt chơi cứ tiếp tục như thế cho đến lúc kết thúc nếu có một người ù (tròn bài) hoặc đã hết bài dưới nọc; lúc này những người chơi phải hạ phỏm và so điểm với nhau, ai ít điểm ít nhất là người thắng cuộc; người chơi nào không có phỏm (gọi là bị cháy) là về chót; người về nhất sẽ thắng người về nhì 50.000 đồng, thắng người về ba 100.000 đồng, thắng người về chót 150.000 đồng, thắng người bị “cháy” bài là 200.000 đồng; người nào ù (tức là bài có 03 phỏm 9 lá bài) thì thắng 3 người còn lại với số tiền là 250.000 đồng/người; người nào ù tròn (tức là bài có 03 phỏm 10 lá bài) thì thắng 3 người còn lại với số tiền là 500.000 đồng/người; người nào ăn lá bài đầu tiên của đối phương (gọi là ăn con gà thứ nhất) thì thắng được 50.000 đồng, ăn cây gà thứ hai thì thắng được 100.000 đồng, ăn cây gà chót hạ thì thắng được 150.000 đồng; người nào mà bị ăn ba cây thì đền làng với số tiền là 750.000 đồng. Nguyễn Văn P2 sử dụng 2.500.000 đồng để đánh bạc, Lê

Duy T sử dụng 5.000.000 đồng để đánh bạc, Hồ Duy Q sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc và Trần Thị Thu Th sử dụng 9.450.000 đồng để đánh bạc, chơi đến khoảng 12 giờ 00 phút, cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện N phối hợp với Công an xã M phát hiện bắt quả tang, Nguyễn Văn P2 bỏ chạy thoát, đến ngày 04/3/2020 thì ra đầu thú tại Công an huyện N.

Tổng số tiền mà Nguyễn Văn P2, Lê Duy T, Hồ Duy Q và Trần Thị Thu Th dùng để đánh bạc vào ngày 03/3/2020 dưới hình thức chơi bài phỏm là: 20.950.000 đồng. Chơi bài phỏm là hình thức nhiều người đánh với nhau, do đó buộc P, T, Q và Th phải cùng chịu trách nhiệm hình sự về tổng số tiền dùng đánh bạc là: 20.950.000 đồng.

*Về vật chứng vụ án:*

01 bộ bài tây và số tiền 20.950.000 đồng, hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 04/6/2020 và biên lai thu tiền số: AA/2013-0003384 ngày 04/6/2020.

*Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N đã quyết định:*

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê Duy T, Hồ Duy Q và Trần Thị Thu Th, phạm tội: “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Nguyễn Văn P2 12 (Mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 19/5/2020 và được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 04/3/2020 đến ngày 07/3/2020; Lê Duy T 09 (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Hồ Duy Q 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án; Trần Thị Thu Th 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

Áp dụng Điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ Luật hình sự năm 2015. Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ Luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bộ bài tây.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 20.950.000 đồng (Hai mươi triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng)

Tất cả hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên bản giao, nhận vật chứng lập ngày 04/6/2020 và biên lai thu tiền số: AA/2013-0003384 ngày 04/6/2020.

Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn P2, Lê Duy T, Hồ Duy Q và Trần Thị Thu Th mỗi bị cáo

phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Ngày 28 tháng 6 năm 2020, bị cáo Lê Duy T kháng cáo xin được hưởng án treo; ngày 30 tháng 6 năm 2020, bị cáo Trần Thị Thu Th kháng cáo xin được hưởng án treo và ngày 01 tháng 7 năm 2020, bị cáo Hồ Duy Q kháng cáo xin được hưởng án treo.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Các bị cáo Lê Duy T, Hồ Duy Q và Trần Thị Thu Th giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Duy T, do bị cáo T không đủ điều kiện để hưởng án treo; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Hồ Duy Q, Trần Thị Thu Th cho bị cáo Q và bị cáo Th được hưởng án treo vì các bị cáo có nhân thân tốt, bổ sung tài liệu chứng cứ mới là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về phạm vi xét xử phúc thẩm: Các bị cáo chỉ kháng cáo xin được hưởng án treo. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ xem xét từng bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo hay không.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 03/3/2020, bị cáo Nguyễn Văn P2, Lê Duy T, Hồ Duy Q và Trần Thị Thu Th đến quán cà phê của ông Nguyễn Văn V uống cà phê. Sau đó, cả bốn người cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức chơi bài phỏm được thắng thua bằng tiền. Nguyễn Văn P2 sử dụng số tiền 2.500.000 đồng để đánh bạc, Lê Duy T sử dụng số tiền 5.000.000 đồng để đánh bạc, Hồ Duy Q sử dụng số tiền 4.000.000 đồng để đánh bạc và Trần Thị Thu Th sử dụng số tiền 9.450.000 đồng để đánh bạc, chơi đến khoảng 12 giờ 00 phút, cùng ngày thì bị lực lượng Công an huyện N phối hợp với Công an xã M phát hiện bắt quả tang, Nguyễn Văn P2 bỏ chạy thoát, đến ngày 04/3/2020 thì ra đầu thú tại Công an huyện N.

Tổng số tiền mà các bị cáo Nguyễn Văn P2, Lê Duy T, Hồ Duy Q và Trần Thị Thu Th dùng để đánh bạc là 20.950.000 đồng. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Đánh bạc*” và áp dụng hình phạt tù đối với các bị cáo là có căn cứ.

[2.2] Xét kháng cáo của các bị cáo xin được hưởng án treo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi; các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như nhân thân của bị cáo. Mức hình phạt này đủ để trừng trị, giáo dục các bị cáo ý thức tuân theo pháp luật; các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa các bị cáo phạm tội mới và đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Bị cáo Lê Duy T đã từng bị kết án về tội cố ý gây thương tích và bị xử phạt vi phạm

hành chính về hành vi đánh bạc nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 05 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Do vậy cần giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo theo như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Hồ Duy Q bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới thể hiện có ông Ngoại được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất và có cậu ruột là liệt sỹ; bị cáo được địa phương xác nhận là người có thành tích xuất sắc tại địa phương. Bị cáo Trần Thị Thu Th có ông nội là liệt sỹ. Là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Hồ Duy Q và Trần Thị Thu Th có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Do vậy, cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự để cho các bị cáo hưởng án treo và giao các bị cáo cho UBND nơi thường trú giám sát, giáo dục. Kháng cáo của các bị cáo Hồ Duy Q, Trần Thị Thu Th và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát cho bị cáo Hồ Duy Q, Trần Thị Thu Th hưởng án treo là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Lê Duy T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Kháng cáo của các bị cáo Hồ Duy Q, Trần Thị Thu Th được chấp nhận nên các bị cáo Hồ Duy Q, Trần Thị Thu Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị và không thuộc thẩm quyền xem xét của Tòa án cấp phúc thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Duy T; Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hồ Duy Q và bị cáo Trần Thị Thu Th; Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Duy T, Hồ Duy Q và Trần Thị Thu Th phạm tội: “*Đánh bạc*”.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo.

Xử phạt: Bị cáo Lê Duy T 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321, Điều 38, điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Hồ Duy Q 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án (15 tháng 9 năm 2020).

Giao bị cáo Hồ Duy Q cho Ủy ban nhân dân xã T2, huyện N, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp trong thời gian thử thách bị cáo Hồ Duy Q thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 01 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thu Th 06 (sáu) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án (15 tháng 9 năm 2020).

Giao bị cáo Trần Thị Thu Th cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Bình Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp trong thời gian thử thách bị cáo Trần Thị Thu Th thay đổi nơi cư trú, làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 01 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Hồ Duy Q, Trần Thị Thu Th cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo Hồ Duy Q, Trần Thị Thu Th phải chấp hành hình phạt 06 tháng tù của bản án này.

3. Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Duy T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm;

Các bị cáo Hồ Duy Q, Trần Thị Thu Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2020/HS-ST ngày 24 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện N không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (15/9/2020).

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- VKS, CA, TA, THA huyện N;
- Sở tư pháp;
- Phòng PV06-Công an tỉnh;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, HCTP

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Võ Việt Minh**





